

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 12-8-2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Cảnh.
- Bà Võ Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn Ma Ra Đô N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị T và anh N vắng mặt (chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M Ra Đô N kết hôn vào ngày 29/8/2016 và anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà anh N tại Ấp D (nay là ấp G), xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do khi chị mang thai được 05 tháng thì anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị và gia đình có

khuyến nhưng anh **N** không thay đổi nên năm 2019 chị về nhà cha mẹ ruột của chị sống cho đến nay và chị không chung sống với anh **N** từ thời gian đó. Do chị và anh **N** không có tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **N**.

Chị và anh **N** có 01 người con chung là cháu **Nguyễn Hoàng Q**, sinh ngày 01/01/2017. Hiện cháu **Q** đang sống với cha và ông bà nội, cháu **Q** được chăm sóc tốt. Chị đồng ý giao cháu **Q** cho anh **N** trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng cho con.

Chị và anh **N** không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị bận việc gia đình nên không thể tham gia vụ án được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh **N** đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của chị **T**.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chị **T** đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn anh **N** không có ý kiến về việc giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **T**.

- Về hôn nhân: chị **T** được ly hôn với anh **N**.

- Về con chung: giao cháu **Nguyễn Hoàng Q**, sinh ngày 01/01/2017 cho anh **N** trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: anh **N** không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Nếu sau này anh **N** có yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi cháu **Q** sẽ khởi kiện vụ kiện khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị **T** khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thùy T** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân

huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Nguyễn Văn Ma Ra Đô Na. Anh Na cư t tại xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ theo quy định tại các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 8 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của chị T thì chị và anh N đã phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Giữa chị và anh N không có tình cảm vợ chồng và không chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Với yêu cầu xin ly hôn của chị T, anh N không có ý kiến phản đối, bỏ mặc cho chị T tự giải quyết.

Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, chị T và anh N không cải thiện được tình cảm vợ chồng để kéo dài đời sống chung. Giữa chị T và anh N không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, anh chị đã không chung sống với nhau trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của chị T và anh N đã vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T để giải quyết cho chị T được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: theo hồ sơ vụ án và lời trình bày của chị T thì chị T và anh N có 01 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 01/01/2017. Hiện cháu Q đang sống với anh N. Chị T giao cháu Q cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, hiện cháu Q đang sống chung với cha là anh N, theo chị T trình bày, trong thời gian sống chung với anh N, cháu Q được chăm sóc tốt nên chị T giao cháu Q cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Về phía anh N thì không có ý kiến phản đối với lời trình bày này của chị T. Vì vậy nhằm đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên Hội đồng xét xử giao cháu Q cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Q là muốn được sống với cha.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, anh N có quyền yêu cầu chị T thực hiện

nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Q. Tuy nhiên, do anh N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến, yêu cầu chị T cấp dưỡng cho cháu Q nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này anh N có yêu cầu chị T cấp dưỡng cho cháu Q thì anh N có quyền khởi kiện vụ án khác yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị T trình bày chị và anh N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh N thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ma Ra Đô Na .

1.2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 01/01/2017 cho anh Nguyễn Văn M Ra Đô Na trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Thùy T không phải cấp dưỡng cho con do anh Nguyễn Văn M Ra Đô N không có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Thùy T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày chị và anh Nguyễn Văn M Ra Đô N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh Nguyễn Văn Ma Ra Đô N thì vắng mặt, không có ý

kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chi **Nguyễn Thị Thùy T** phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004912 ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Mộng Tuyền